

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **202/2022/HSST**
Ngày : 12/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Ngọc Thanh;
2/ Ông Trần Công Trung;

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh là Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 107/2022/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KIM A**; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1995 tại Bình Phước; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: đường P, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 và bà Lê Thị H, sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tại ngoại;

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn viễn thông D, địa chỉ đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: chị Huỳnh Thị Thúy D1 – Giám đốc;
(vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1991 ngụ tại đường N, Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Công ty TNHH I, địa chỉ đường S, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: anh Nguyễn Lâm V;

3/ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại viễn thông M; địa chỉ: đường N, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: chị Nguyễn Thị T;

4/ Anh Hồ Thanh Q, sinh năm 1989 ngụ tại đường T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;

5/ Anh Lê Minh T1, sinh năm 1991 ngụ tại đường B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

6/ Công ty TNHH Tin học H do anh Bùi Văn S, địa chỉ đường H, phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh;

7/ Công ty TNHH PT-CN P; địa chỉ đường Y, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: anh Đinh Tuấn Đ;

8/ Công ty TNHH tư vấn dịch vụ N, địa chỉ đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo pháp luật: anh Phan Đình T2;

(những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim A là nhân viên kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn Viễn Thông D (Công ty D) từ năm 2020, có trụ sở tại số đường T, phường T, quận T do chị Huỳnh Thị Thuý D1 quản lý. Hoạt động của Công ty là mua bán, lắp đặt camera, đầu ghi, ổ cứng, phụ kiện... Công việc Kim A được giao là tìm kiếm khách hàng, tư vấn bán hàng, đối chiếu công nợ và thu tiền công nợ các khách hàng do Kim A quản lý. Trong quá trình làm việc, Công ty giao cho Kim A một điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu đỏ kèm sim điện thoại 0934.118.*** có đăng ký tài khoản Zalo nhằm mục đích sử dụng để tìm kiếm khách hàng, tư vấn bán hàng, đối chiếu công nợ và thu tiền công nợ của khách.

Theo quy định của công ty, sau khi đối chiếu công nợ, nếu khách hàng muốn thanh toán thông qua chuyển khoản ngân hàng thì nhân viên kinh doanh hướng dẫn và yêu cầu khách hàng chuyển khoản thanh toán vào các tài khoản ngân hàng sau:

- Tài khoản ngân hàng ACB số 3018817 tên công ty TNHH VIEN THONG D;

- Tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0441000745839 tên HUYNH THI THUY D1;

- Tài khoản ngân hàng Sacombank số 060160598762 tên HUYNH THI THUY D1;

- Tài khoản ngân hàng ACB số 170026339 tên HUYNH THI THUY D1;

Theo quy định, nhân viên kinh doanh không được yêu cầu khách hàng chuyển khoản thanh toán công nợ vào tài khoản cá nhân khác ngoài những tài khoản trên. Trường hợp khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì kế toán sẽ lập phiếu thu giao cho nhân viên kinh doanh đưa cho khách để thu tiền. Sau đó, nhân viên kinh doanh phải

nộp tiền mặt đã thu của khách về cho kế toán trước 17 giờ 30 phút hàng ngày. Các quy định trên chỉ D1 đã phổ biến đến từng nhân viên kinh doanh và Kim A biết rõ các quy định này.

Sau đó trong quá trình làm việc, Kim A biết được quy trình thu tiền công nợ như trên, thấy việc đối chiếu công nợ và yêu cầu thanh toán công nợ đều do nhân viên kinh doanh thực hiện. Công ty không kiểm tra hàng ngày việc thu hồi tiền của các khách hàng do các nhân viên quản lý, thông thường một tuần hoặc nửa tháng kế toán của Công ty mới kiểm tra công nợ của từng nhân viên kinh doanh. Do đó, đến khoảng đầu tháng 3/2021, Kim A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền công nợ từ các khách hàng với thủ đoạn: Đối với các khách hàng chuyển khoản thanh toán tiền công nợ thì Kim A yêu cầu khách hàng chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của mình tại ngân hàng Techcombank số 19036356056014 tên NGUYEN THI KIM A, đối với các khách hàng trả tiền mặt thì Kim A trực tiếp đi thu và chiếm đoạt số tiền đó. Với thủ đoạn như trên, từ đầu tháng 3/2021 đến 26/03/2021, Kim A đã nhiều lần chiếm đoạt tiền công nợ của Công ty D cụ thể:

- Khoảng đầu tháng 3/2021, Kim A chiếm đoạt số tiền công nợ 2.388.000 đồng của Cty D với khách hàng là anh Nguyễn Thành C, bằng cách thu tiền mặt từ anh C;

- Từ ngày 03/03/2021 đến ngày 12/03/2021, Kim A chiếm đoạt số tiền công nợ 13.900.000 đồng của Cty D với khách hàng là Công ty TNHH I do anh Nguyễn Lâm V làm quản lý, bằng cách yêu cầu khách hàng Nguyễn Lâm V chuyển tiền công nợ vào tài khoản của Kim A trong đó ngày 03/3/2021 chiếm đoạt số tiền 3.000.0000 đồng, ngày 08/3/2021 chiếm đoạt số tiền 3.000.0000 đồng, ngày 12/3/2021 chiếm đoạt số tiền 7.900.0000 đồng;

- Ngày 12/03/2021, Kim A chiếm đoạt số tiền công nợ 4.492.000 đồng của Cty D với khách hàng là Công ty TNHH Thương Mại Viễn Thông M do chị Nguyễn Thị T làm Giám đốc, bằng cách thu tiền mặt từ anh Thạch Văn T là nhân viên của Công ty M;

- Ngày 16/3/2021, Kim A chiếm đoạt số tiền công nợ 1.500.000 đồng của Cty D với khách hàng Hồ Thanh Q bằng cách yêu cầu khách hàng Hồ Thanh Q chuyển tiền công nợ vào tài khoản của Kim A;

- Ngày 19/3/2021, Kim A chiếm đoạt số tiền công nợ 3.149.000 đồng của Cty D với khách hàng Lê Minh T1 bằng cách yêu cầu khách hàng Lê Minh T1 chuyển tiền công nợ vào tài khoản của Kim A;

- Ngày 19/3/2021 Kim A chiếm đoạt số tiền công nợ 3.658.000 đồng của Công ty D với khách hàng là Công ty TNHH Tin học H do anh Bùi Văn S là đại diện theo pháp luật bằng cách yêu cầu anh S chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Kim A;

- Ngày 19/3/2021 Kim A chiếm đoạt số tiền công nợ 3.265.000 đồng của Công ty D với khách hàng là Công ty TNHH PT-CN P do anh Đinh Tuấn Đ làm Giám đốc bằng cách yêu cầu anh Đ chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Kim A;

- Ngày 19/3/2021 Kim A chiếm đoạt số tiền công nợ 2.000.000 đồng của Cty D với khách hàng là Công ty TNHH tư vấn dịch vụ N do anh Phan Đình T2 làm giám đốc, bằng cách yêu cầu khách hàng Phan Đình T2 chuyển tiền công nợ vào tài khoản của Kim A;

- Ngày 19/3/2021 Kim A chiếm đoạt số tiền công nợ 400.000 đồng của Cty D với khách hàng tên “Cửa hàng T” (địa chỉ khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu), bằng cách yêu cầu anh T (chưa rõ lai lịch) chuyển tiền công nợ vào tài khoản của Kim A. Qua xác minh địa chỉ trên, không có cửa hàng nào tên “Anh T”. Tổng số tiền Kim A đã chiếm đoạt là 34.752.000 (ba mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn) đồng;

Sau đó, đến ngày 26/03/2021, Kim A tự ý nghỉ việc tại Công ty D rồi mang điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu đỏ của Công ty đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến ngày 13/01/2022, chị Huỳnh Thị Thúy D1 phát hiện sự việc nên đã đến Công an quận T trình báo.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Kim A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản kết luận định giá số 1412/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 29/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận T kết luận: một (01) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu đỏ 64GB tại thời điểm định giá ngày 26/3/2021 trị giá 3.000.000 đồng (bút lục số 314);

*** Vật chứng:**

- Thu giữ của anh Đinh Tuấn Đ:

+ Một (01) sao kê tài khoản do ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương V chi nhánh Bảo Lộc xác nhận cho anh Đinh Tuấn Đ vào ngày 12/5/2022 (bản chính);

- Thu giữ của chị Huỳnh Thị Thúy D1:

+ Một (01) sao kê tài khoản ACB số 170026339 tên HUYNH THI THUY D1 đề ngày 11/5/2022 (bản chính) hiện đang kèm hồ sơ vụ án;

- Về phần dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Kim A đã bồi thường cho Công ty D số tiền 30.000.000 đồng. Chị Huỳnh Thị Thúy D1 đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 03 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 175; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim A mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt

tài sản” theo điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của những người liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, đồng thời lợi dụng sự lỏng lẻo trong quy trình thu công nợ tại công ty trách nhiệm hữu hạn viễn thông D nên từ đầu tháng 3/2021 đến ngày 26/03/2021, Nguyễn Thị Kim A đã nhiều lần có hành vi lạm dụng tín nhiệm thu tiền công nợ của các khách hàng là công ty TNHH I, công ty TNHH TM Viễn thông M, công ty TNHH tư vấn dịch vụ N, công ty TNHH PT-CN P, công ty TNHH tin học H, anh Lê Minh T1, anh Hồ Thanh Q, anh Nguyễn Lâm V sau đó không nộp lại công ty D nhằm chiếm đoạt số tiền 34.752.000 đồng và một (01) điện thoại di động hiệu Iphone 6 trị giá 3.000.000 đồng của công ty D với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 37.752.000 (ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn) đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liêu lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết có một hình phạt thật nghiêm khắc nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo từ bỏ con đường phạm tội, đồng thời cũng có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, đề nghị xử phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “phạm tội từ 02 lần trở lên”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty D để khắc phục hậu quả, bị hại có đơn bãi nại và đề nghị không xử lý hình sự đối với bị cáo, ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo;

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), ngoài ra bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, luôn có mặt khi các cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập nên nghĩ không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhằm tạo điều kiện để bị cáo tiếp tục lao động, rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời cũng thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì lẽ ra bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền bổ sung. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu nên miễn cho bị cáo;

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Kim A đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho chị Huỳnh Thị Thúy D1 và chị D1 không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không có gì để giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

* Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 175; Điều 65; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo:

Nguyễn Thị Kim A 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án;

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho bị cáo;

* Áp dụng Điều 106; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 (một) sao kê tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương V – chi nhánh Bảo Lộc xác nhận cho anh Đinh Tuấn Đ ngày 12/5/2022; 01 (một) sao kê tài khoản ngân hàng ACB số 170026339 tên HUYNH THI THUY D1 đề ngày 11/5/2022;

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo; bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật;

(Hội đồng xét xử đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an quận T;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PC27 CATP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Huỳnh Hoàng Phương